CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀI (NCS)

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

Điện thoại: 0243 886 5577 Fax: 0243 884 0199

# HỒ SƠ TỰ CÔNG BỐ

**TÊN SẢN PHẨM**

**TRÀ SỮA TRÂN CHÂU VỊ KHOAI MÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
---

# BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 78/NCS/2023

## I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀI (NCS)

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

Điện thoại: 0243 886 5577 Fax: 0243 884 0199

E-mail: marketing@noibaicatering.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 0101 509 403

## II. Thông tin về sản phẩm

**1. Tên sản phẩm: TRÀ SỮA TRÂN CHÂU VỊ KHOAI MÔN**

**2. Thành phần:**

Trà sữa: Nước, bột kem khoai môn, bột kem không sữa, đường, sữa đặc có đường, chất bảo quản (E202).

Topping: Trân châu.

**3. Thời hạn sử dụng và bảo quản**

- Thời hạn sử dụng: 7 ngày kể từ ngày sản xuất, NSX và HSD in trực tiếp trên bao bì sản phẩm.

- Bảo quản: Bảo quản lạnh 2-6 độ C.

**4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì**

- Quy cách đóng gói: đóng cốc với thể tích thực 200ml, 250ml, 300ml, 400ml, 500ml,…
(Sai số định lượng phù hợp với quy định Thông tư số 21/2014/TT-BKHCN của Bộ khoa học và công nghệ)

- Chất liệu bao bì: Sử dụng bao bì chất liệu PP đảm bảo vệ sinh thực phẩm theo quy định của Bộ y tế.

**5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm**

Tên nhà sản xuất: Công ty cổ phần suất ăn hàng không Nội Bài

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

**III. Mẫu nhãn sản phẩm** ***(mẫu nhãn đính kèm)***

**IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm**

Sản phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 6-2:2010/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn
- QCVN 12-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc với thực phẩm.
- Nghị định 43/2017/NĐ-CP Về nhãn hàng hóa.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

*Nội Bài, ngày 26 tháng 04 năm 2023*

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

*(Ký tên, đóng dấu)*

M.S.D.N: 0101... C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀI
H. SÓC SƠN - TP. HÀ NỘI

**Tổng giám đốc**

**NGUYỄN VĂN DŨNG**

M.S.D.N:0101509403-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀI
H.SÓC SƠN - TP.HÀ NỘI

**TRÀ SỮA TRÂN CHÂU VỊ KHOAI MÔN**

THÀNH PHẦN:
Trà sữa: Nước, bột kem khoai môn, bột kem không sữa, đường, sữa đặc có đường, chất bảo quản (E202).
Topping: Trân châu.
NSX: Xem trên bao bì | HSD: Xem trên bao bì
Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản lạnh 2-6°C
Hướng dẫn sử dụng: Sử dụng trực tiếp. Lắc đều trước khi sử dụng
Sản xuất và phân phối: Công ty cổ phần Suất ăn hàng không Nội Bài – Đơn vị thành viên của VIETNAM AIRLINES
Địa chỉ: Sân bay quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội
Điện thoại: 0243 886 5577/Ext: 234
Đặt hàng tại:
• Hotline: 085 681 0012
• Website: www.bephangkhong.com.vn | www.bephangkhong.com
Số tự công bố: 78/NCS/2023

CẢNH BÁO ATTP: Sản phẩm có chứa sữa, không phù hợp với người bị dị ứng thành phần này. Sản phẩm có chứa hạt trân châu, cần trọng khi sử dụng cho trẻ em và người lớn tuổi.

THÔNG TIN DINH DƯỠNG TRONG 100G SẢN PHẨM

| | |
|---|---|
| Protein: | 0,37g |
| Béo: | 2,42g |
| Carbohydrates: | 12,5g |
| Năng lượng: | 73kcal/100g |

THỂ TÍCH THỰC Ở 20°C: ***400ml***

# ANALYTICAL REPORT

Sample Code : 743-2023-00047349
Analytical Report : AR-23-VD-050234-01-EN / EUVNHC-00211322

**Noibai catering services joint stock company**
Noibai International airport
Hanoi, VIETNAM

| | |
|---|---|
| **Client Reference:** | NSX: 16/04/23 |
| **Sample described as:** | Trà sữa trân châu vị khoai môn |
| **Conditioning:** | Sample in sealed packaging |
| **Sample reception date:** | 19/04/2023 |
| **Analysis Time :** | 19/04/2023 - 24/04/2023 |
| **Client due date :** | 25/04/2023 |
| **Your purchase order reference:** | NGM22304194362-HN-KA |
| **Eol sample code :** | 005-32410-190597 |

| NO. | PARAMETERS | UNIT | TEST METHOD | RESULTS |
|---|---|---|---|---|
| 1 | VW012 VW (a) **Aerobic Plate Count** | cfu/ g | ISO 4833-1:2013/Amd 1-2022 | **9.9x10¹** |
| 2 | VW015 VW (a) ***Coliforms*** | cfu/ g | TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006) | **Not detected (LOD=10)** |
| 3 | VD4M6 VD **Escherichia coli** | cfu/ g | TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001) | **Not detected (LOD=1)** |
| 4 | VW009 VW (a) ***Faecal Streptococci*** | cfu/ g | N79-R-RD2-TP-9489 (Ref. TCVN 6189-2: 2009 (ISO 7899-2:2000)) | **Not detected (LOD=10)** |
| 5 | VW032 VW (a) ***Pseudomonas aeruginosa*** | cfu/ g | N79-R-RD2-TP-9488 (Ref. ISO 16266:2006) | **Not detected (LOD=10)** |
| 6 | VW00G VW (a) ***Staphylococcus aureus*** | cfu/ g | ISO 6888-1:2021 | **Not detected (LOD=10)** |
| 7 | VW014 VW (a) ***Clostridium perfringens*** | cfu/ g | TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004) | **Not detected (LOD=10)** |
| 8 | VW022 VW (a) **Yeasts & Moulds** | cfu/ g | TCVN 8275-1:2010 (ISO 21527-1:2008); TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008) | **Not detected (LOD=10)** |
| 9 | VW072 VW (a) **Lead (Pb)** | mg/ kg | N79-R-RD1-TP-12629 (Ref. AOAC 2015.01) | **Not detected (LOD=0.017)** |

LOD: Limit Of Detection.

SIGNATURE

Nguyễn Thị Hiền
Customer Service Manager, Food Testing Ha Noi

M.S.C.N: 0311526885-003 CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH EUROFINS SẮC KÝ HẢI ĐĂNG TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Trần Thị Mỹ Dung
Business Unit Manager Food Testing Ha Noi (VN)

Report electronically validated by Nguyễn Thị Hiền 26/04/2023, and electronically approved by Trần Thị Mỹ Dung 26/04/2023.

# ANALYTICAL REPORT

**EXPLANATORY NOTE**

This document can only be reproduced in full; it only concerns the submitted sample.
Results have been obtained and reported in accordance with our general sales conditions available on request.
The tests are identified by a five-digit code, their description is available on request.
All test methods begin with characters EVN; A39; N79; EHC are internal methods developped by Eurofins Sac Ky Hai Dang.
"VD": These tests were performed in laboratory Eurofins Sac Ky Hai Dang (Ho Chi Minh).The symbol (a) identifies the tests performed by this laboratory under accreditation ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.
"VW": These tests were performed in laboratory Eurofins Sac Ky Hai Dang (Ha Noi). The symbol (a) identifies the tests performed by this laboratory under accreditation ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.
"VD": These tests were performed in laboratory Eurofins Sac Ky Hai Dang (Ho Chi Minh).

# KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

**Mã số mẫu :** 743-2023-00047349
**Mã số kết quả :** AR-23-VD-050234-01-VI / EUVNHC-00211322

## CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀI

Sân bay Quốc tế Nội Bài, Xã Phú Minh, Huyện Sóc Sơn
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

| | |
|---|---|
| **Mã số mẫu do khách hàng thiết lập :** | NSX: 16/04/23 |
| **Tên mẫu :** | Trà sữa trân châu vị khoai môn |
| **Tình trạng mẫu :** | Mẫu đựng trong cốc nhựa kín |
| **Ngày nhận mẫu :** | 19/04/2023 |
| **Thời gian thử nghiệm :** | 19/04/2023 - 24/04/2023 |
| **Ngày hẹn trả kết quả khách hàng :** | 25/04/2023 |
| **Mã số PO của khách hàng :** | NGM22304194362-HN-KA |
| **Mã số mẫu EoI :** | 005-32410-190597 |

| STT | CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM | ĐƠN VỊ | PHƯƠNG PHÁP THỬ | KẾT QUẢ |
|---|---|---|---|---|
| 1 | VW012 VW (a) **Tổng số vi sinh vật hiếu khí** | cfu/ g | ISO 4833-1:2013/Amd 1-2022 | **$9.9x10^1$** |
| 2 | VW015 VW (a) ***Coliforms*** | cfu/ g | TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006) | **Không phát hiện (LOD=10)** |
| 3 | VD4M6 VD **Escherichia coli** | cfu/ g | TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001) | **Không phát hiện (LOD=1)** |
| 4 | VW009 VW (a) ***Faecal streptococci*** | cfu/ g | N79-R-RD2-TP-9489 (Ref. TCVN 6189-2: 2009 (ISO 7899-2:2000)) | **Không phát hiện (LOD=10)** |
| 5 | VW032 VW (a) ***Pseudomonas aeruginosa*** | cfu/ g | N79-R-RD2-TP-9488 (Ref. ISO 16266:2006) | **Không phát hiện (LOD=10)** |
| 6 | VW00G VW (a) ***Staphylococcus aureus*** | cfu/ g | ISO 6888-1:2021 | **Không phát hiện (LOD=10)** |
| 7 | VW014 VW (a) ***Clostridium perfringens*** | cfu/ g | TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004) | **Không phát hiện (LOD=10)** |
| 8 | VW022 VW (a) **Tổng số nấm men, nấm mốc** | cfu/ g | TCVN 8275-1:2010 (ISO 21527-1:2008); TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008) | **Không phát hiện (LOD=10)** |
| 9 | VW072 VW (a) **Chì (Pb)** | mg/ kg | N79-R-RD1-TP-12629 (Ref. AOAC 2015.01) | **Không phát hiện (LOD=0.017)** |

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

**Ký tên**

Nguyễn Thị Hiền
Trưởng Bộ Phận Chăm Sóc Khách Hàng, CN Hà Nội

M.S.C.N: 0311526885-003 CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH EUROFINS SẮC KÝ HẢI ĐĂNG TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Trần Thị Mỹ Dung
Giám đốc Chi nhánh Hà Nội

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Thị Hiền 26/04/2023, và được phê duyệt điện tử bởi Trần Thị Mỹ Dung 26/04/2023.

# KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

**Ghi chú giải thích**

Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp.
Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách.
Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu.
Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Ký Hải Đăng xây dựng.
"VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng.(a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.
"VW": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm CN CT TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng tại Hà Nội. (a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.
"VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng.

# ANALYTICAL REPORT

**Sample Code :** 743-2023-00047349
**Analytical Report :** AR-23-VD-050234-01-EN / EUVNHC-00211322

**Noibai catering services joint stock company**
Noibai International airport
Hanoi, VIETNAM

| | |
|---|---|
| **Client Reference:** | NSX: 16/04/23 |
| **Sample described as:** | Trà sữa trân châu vị khoai môn |
| **Conditioning:** | Sample in sealed packaging |
| **Sample reception date:** | 19/04/2023 |
| **Analysis Time :** | 19/04/2023 - 24/04/2023 |
| **Client due date :** | 25/04/2023 |
| **Your purchase order reference:** | NGM22304194362-HN-KA |
| **Eol sample code :** | 005-32410-190597 |

| NO. | PARAMETERS | UNIT | TEST METHOD | RESULTS |
|---|---|---|---|---|
| 1 | VW012 VW (a) **Aerobic Plate Count** | cfu/ g | ISO 4833-1:2013/Amd 1-2022 | **9.9x10¹** |
| 2 | VW015 VW (a) ***Coliforms*** | cfu/ g | TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006) | **Not detected (LOD=10)** |
| 3 | VD4M6 VD **Escherichia coli** | cfu/ g | TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001) | **Not detected (LOD=1)** |
| 4 | VW009 VW (a) ***Faecal Streptococci*** | cfu/ g | N79-R-RD2-TP-9489 (Ref. TCVN 6189-2: 2009 (ISO 7899-2:2000)) | **Not detected (LOD=10)** |
| 5 | VW032 VW (a) ***Pseudomonas aeruginosa*** | cfu/ g | N79-R-RD2-TP-9488 (Ref. ISO 16266:2006) | **Not detected (LOD=10)** |
| 6 | VW00G VW (a) ***Staphylococcus aureus*** | cfu/ g | ISO 6888-1:2021 | **Not detected (LOD=10)** |
| 7 | VW014 VW (a) ***Clostridium perfringens*** | cfu/ g | TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004) | **Not detected (LOD=10)** |
| 8 | VW022 VW (a) **Yeasts & Moulds** | cfu/ g | TCVN 8275-1:2010 (ISO 21527-1:2008); TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008) | **Not detected (LOD=10)** |
| 9 | VW072 VW (a) **Lead (Pb)** | mg/ kg | N79-R-RD1-TP-12629 (Ref. AOAC 2015.01) | **Not detected (LOD=0.017)** |

LOD: Limit Of Detection.

**SIGNATURE**

Nguyễn Thị Hiền
Customer Service Manager, Food Testing Ha Noi

M.S.C.N: 0311526885-003 CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH EUROFINS SẮC KÝ HẢI ĐĂNG TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Trần Thị Mỹ Dung
Business Unit Manager Food Testing Ha Noi (VN)

Report electronically validated by Nguyễn Thị Hiền 26/04/2023, and electronically approved by Trần Thị Mỹ Dung 26/04/2023.

# ANALYTICAL REPORT

**EXPLANATORY NOTE**

This document can only be reproduced in full; it only concerns the submitted sample.
Results have been obtained and reported in accordance with our general sales conditions available on request.
The tests are identified by a five-digit code, their description is available on request.
All test methods begin with characters EVN; A39; N79; EHC are internal methods developped by Eurofins Sac Ky Hai Dang.
"VD": These tests were performed in laboratory Eurofins Sac Ky Hai Dang (Ho Chi Minh).The symbol (a) identifies the tests performed by this laboratory under accreditation ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.
"VW": These tests were performed in laboratory Eurofins Sac Ky Hai Dang (Ha Noi). The symbol (a) identifies the tests performed by this laboratory under accreditation ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.
"VD": These tests were performed in laboratory Eurofins Sac Ky Hai Dang (Ho Chi Minh).